

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA UBND xã
(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày / /2026
của Ủy ban nhân dân xã Lạc Phụng)

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (04 TTHC)

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	Phí, lệ phí (nếu có)	Cung cấp DVCTT (X)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
1.	2.001263	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	- Thời gian xác minh, đánh giá hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi: + Trường hợp người nhận con nuôi có nơi thường trú và tạm trú giống nhau: 07 ngày	- Thời gian xác minh, đánh giá hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi: + Trường hợp người nhận con nuôi có nơi thường trú và tạm trú	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và cấp xã	- Mức thu lệ phí: 400.000 đồng/trường hợp. - Miễn lệ phí đăng ký nuôi con nuôi trong nước đối với trường hợp cha dượng		x	- Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011; - Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026; - Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8/7/2016; - Nghị định số 104/2022/NĐ-

		<p>làm việc; + Trường hợp người nhận con nuôi có nơi thường trú và tạm trú khác nhau: 12 ngày làm việc - Thời gian kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 10 ngày; Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 10 ngày làm việc - Thời gian tổ chức đăng ký việc nuôi con nuôi và tổ chức giao nhận con nuôi, ghi vào sổ đăng ký việc nuôi con nuôi và trao Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước cho bên giao và bên nhận: 05</p>	<p>giống nhau: 3.5 ngày làm việc; + Trường hợp người nhận con nuôi có nơi thường trú và tạm trú khác nhau: 12 ngày làm việc - Thời gian kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 10 ngày Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 10 ngày làm việc - Thời gian tổ chức đăng ký việc nuôi con nuôi và tổ chức giao nhận con nuôi, ghi vào sổ đăng ký việc nuôi con nuôi và trao Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước</p>	<p>hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi; nhận các trẻ em sau đây làm con nuôi: Trẻ khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của Luật Nuôi con nuôi và văn bản hướng dẫn; người có công với cách mạng nhận con nuôi.</p>	<p>CP ngày 21 tháng 12 năm 2022; -Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025; - Thông tư số 10/2025/TT-BTP ngày 20/6/2025; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023.</p>
--	--	---	---	--	---

			ngày, kể từ ngày hết hạn thay đổi ý kiến đồng ý.	cho bên giao và bên nhận: 05 ngày, kể từ ngày hết hạn thay đổi ý kiến đồng ý.					
2.	1.003005	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	<ul style="list-style-type: none"> - UBND cấp xã kiểm tra hồ sơ, lấy ý kiến những người liên quan: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 10 ngày làm việc, kể từ ngày được lấy ý kiến; - Sở Tư pháp có ý kiến: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp 	<ul style="list-style-type: none"> - UBND cấp xã kiểm tra hồ sơ, lấy ý kiến những người liên quan: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 10 ngày làm việc, kể từ ngày được lấy ý kiến; - Sở Tư pháp có ý kiến: 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy 	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và cấp xã	4.500.000 đồng/trường hợp		x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011; - Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026; - Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8/7/2016; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022; - Thông tư số 10/2025/TT-BTP ngày 20/6/2025; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; - Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm

			xã; Đăng ký việc nuôi con nuôi và giao nhận con nuôi: 05 ngày làm việc , kể từ ngày nhận được văn bản đồng ý của Sở Tư pháp	ban nhân dân cấp xã; Đăng ký việc nuôi con nuôi và giao nhận con nuôi: 05 ngày làm việc , kể từ ngày nhận được văn bản đồng ý của Sở Tư pháp					2023.
3.	2.002349	Cấp giấy Xác nhận Công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	10 ngày	05 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và cấp xã	Không quy định	x		Luật Nuôi con nuôi; -Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011; -Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026; -Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025; -Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; -Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022; -Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025; -Thông tư số 10/2025/TT-BTP ngày 20/6/2025; -Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày

								28/12/2020; -Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023
4.	2.002363	Ghi vào Sổ đăng ký Nuôi con Nuôi việc Nuôi con Nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	- Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. - Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc	- Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp phải xác minh thì hạn giải quyết không quá 1,5 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và cấp xã	75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)	x	- Luật Hộ tịch 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/03/2011; - Nghị định 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026; - Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/03/2019; - Nghị định số 87/2020/NĐ- CP ngày 28 tháng 7 năm 2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025; - Thông tư 04/2020/TT- BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày

